

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm: 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn C, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ hiện tại: 26 Bongujae-ro 69beon-gil, S-si, G-do, Hàn Quốc (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T1, sinh năm: 1981; địa chỉ: thôn I, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hoài T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài T và anh Nguyễn Viết T1 đăng ký kết hôn vào ngày 11/04/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến tháng 6/2018, chị T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên sau đó do công việc cũng như hoàn cảnh ở xa, vợ chồng không có nhiều thời gian dành cho nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường

xuyên xảy ra tranh cãi. Những mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên, người thân và bạn bè khuyên giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Đến cuối năm 2022, mâu thuẫn ngày càng gay gắt kéo dài. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị [Trần Thị Hoài T](#) làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Việt T1](#).

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là cháu [Nguyễn Trần Bảo L](#), sinh ngày 14/11/2009 và cháu [Nguyễn Trần Ngọc D](#), sinh ngày 03/01/2014, hiện đang được mẹ đẻ của chị [Trần Thị Hoài T](#) là bà [Lê Thị V](#) (sinh năm 1962, trú tại: [thôn C, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#)) chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị [Trần Thị Hoài T](#) đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị [T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị [T](#) đi xuất khẩu lao động, chị [T](#) sẽ nhờ mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi chị [T](#) về Việt Nam. Chị [T](#) không yêu cầu anh [T1](#) cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị [T](#) không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn nên chị [T](#) xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho bà [Đặng Thị Phương A](#) (sinh năm: 1996; địa chỉ: [số B V, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#)) thay chị [T](#) thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án.

Bị đơn anh [Nguyễn Việt T1](#) trình bày: Anh [T1](#) thống nhất như ý kiến chị [T](#) về quan hệ hôn nhân và quá trình xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn, nay chị [T](#) có đơn xin ly hôn thì anh [T1](#) cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh [T1](#) thống nhất như ý kiến chị [T](#). Do điều kiện công việc, anh [T1](#) xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu [Nguyễn Trần Bảo L](#) và cháu [Nguyễn Trần Ngọc D](#) có đơn trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn được sống với mẹ là [Trần Thị Hoài T](#). Bà [Lê Thị V](#) có đơn trình bày về việc tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị [T](#) và anh [T1](#).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 3, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị [Trần Thị Hoài T](#) và anh [Nguyễn Việt T1](#).

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu [Nguyễn Trần Bảo L](#), sinh ngày 14/11/2009 và cháu [Nguyễn Trần Ngọc D](#), sinh ngày 03/01/2014 cho chị [Trần Thị Hoài T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Anh [Nguyễn Việt T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị [Trần Thị Hoài T](#) về việc chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị [Trần Thị Hoài T](#) và anh [Nguyễn Việt T1](#) đăng ký kết hôn ngày 11/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị [Trần Thị Hoài T](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh [Nguyễn Việt T1](#). Chị [Trần Thị Hoài T](#) có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, Đ tại Hàn Quốc có văn bản về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký công dân đối với bà [Trần Thị Hoài T](#) theo quy định. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị [Trần Thị Hoài T](#) và bị đơn anh [Nguyễn Việt T1](#) đều có ý kiến xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị [T](#), anh [T1](#) theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Trần Thị Hoài T](#) và anh [Nguyễn Việt T1](#) tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị [T](#) và anh [T1](#) là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến tháng 6/2018, chị [T](#) đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên sau đó do công việc cũng như hoàn cảnh ở xa, vợ chồng không có nhiều thời gian dành cho nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Những mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên, người thân, bạn bè khuyên giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả và ngày càng gay gắt, kéo dài. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị [Trần Thị Hoài T](#) làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Việt T1](#). Anh [Nguyễn Việt T1](#) thống nhất về nội dung trình bày của chị [Trần Thị Hoài T](#) về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn; thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc chị [T](#) xin ly hôn thì anh [T1](#) cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **T1** là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; chị **T** và anh **T1** đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Hoài T** và anh **Nguyễn Việt T1**.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Trần Bảo L**, sinh ngày 14/11/2009 và cháu **Nguyễn Trần Ngọc D**, sinh ngày 03/01/2014. Cả chị **T** và anh **T1** đều thống nhất giao 02 con chung cho chị **Trần Thị Hoài T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Vợ chồng thống nhất nội dung trong thời gian chị **T** đi xuất khẩu lao động, chị **T** sẽ nhờ mẹ đẻ là bà **Lê Thị V** chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi chị **T** trở về Việt Nam. Bản thân cháu **L** và cháu **N** cũng có đơn trình bày với nội dung nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu muốn được sống với mẹ là **Trần Thị Hoài T**. Xét thấy việc thỏa thuận của hai vợ chồng và ý kiến của các con là tự nguyện nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này cũng như ý kiến của các con. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Trần Bảo L**, sinh ngày 14/11/2009 và cháu **Nguyễn Trần Ngọc D**, sinh ngày 03/01/2014 cho chị **Trần Thị Hoài T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận, ý kiến của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Trần Thị Hoài T** về việc chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 3, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Hoài T** và anh **Nguyễn Việt T1**.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo L, sinh ngày 14/11/2009 và cháu Nguyễn Trần Ngọc D, sinh ngày 03/01/2014 cho chị Trần Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Việt T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Hoài T về việc chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị Hoài T được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000169 ngày 12/11/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh; trả lại cho chị T số tiền 150.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

